

Tư tưởng vô ngã qua kinh Khởi thế Nhân bốn (DN 27)

ISSN: 2734-9195

14:35 05/10/2026

Hiểu thấu triệt nguồn gốc duyên sinh của xã hội cũng chính là bước đi đầu tiên để phá vỡ ngã chấp, hướng tới mục đích tối hậu là giải thoát và chấm dứt mọi khổ đau.

Tóm tắt: Bài viết phân tích tư tưởng vô ngã qua Kinh Khởi thế nhân bốn (Aggañña Sutta), thuộc Kinh Trường bộ (DN 27). Thay vì trình bày vô ngã qua phân tích ngũ uẩn, bản kinh tiếp cận vấn đề con người từ nguồn gốc, sự biến đổi của chúng sinh và quá trình hình thành đời sống xã hội. Đặc biệt, đức Phật phản biện quan niệm về địa vị cao quý của giai cấp Bà la môn dựa trên huyết thống và nguồn gốc sinh ra. Qua các mối quan hệ nhân duyên và sự biến đổi của đời sống, bản kinh này cho thấy các danh xưng giai cấp không phải là những giá trị cố định.

Bài viết làm rõ khả năng tiếp cận (DN 27) dưới góc nhìn vô ngã, trong đó giá trị con người không được quyết định bởi một ngã tính cố định từ nguồn gốc hay huyết thống, mà được nhận diện qua hành vi và đời sống của con người.

Từ khóa: Đức Phật, Kinh Khởi thế nhân bốn, vô ngã, giai cấp, nhân quả, duyên khởi.

I. Dẫn nhập

Kinh Khởi thế nhân bốn thuộc Kinh Trường bộ (DN 27), trình bày về nguồn gốc thế giới, sự biến đổi của chúng sinh và quá trình hình thành đời sống xã hội. Bản kinh đề cập đến sự xuất hiện của quyền sở hữu, sự phân công lao động, các danh xưng giai cấp và tiêu chuẩn đánh giá con người.

Đức Phật cũng phản biện quan niệm của một số Bà la môn cho rằng họ có nguồn gốc đặc biệt và địa vị cao quý do được sinh ra từ Phạm thiên.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Trên nền tảng giáo lý vô ngã, bài viết tập trung vào các phương diện: phủ định ngã tính từ thực tại sinh học, tiến trình biến dịch của vạn pháp theo duyên khởi, xã hội giai cấp, sự bình đẳng giữa các giai cấp qua hành vi thiện ác và nghiệp báo với con đường giải thoát. Và đồng thời sử dụng phương pháp phân tích văn bản học, lấy (DN 27) làm văn bản trung tâm, sử dụng một số kinh thuộc Nikāya để đối chiếu và làm rõ thêm vấn đề nghiên cứu.

II. Vô ngã và bình đẳng giữa các giai cấp trong Kinh Khởi thể nhân bốn (DN 27)

1. Phủ định ngã tính từ thực tại sinh học tự nhiên

Trong bối cảnh tư tưởng Ấn Độ cổ đại, tầng lớp tự nhận là tối thượng, sở hữu làn da trắng, dòng máu thuần túy luôn tự nhận mình sinh ra từ miệng Phạm Thiên, sở hữu một nguồn gốc thần quyền tối thượng và một tự ngã thanh tịnh phân biệt. Giáo điều này được kinh văn mô tả: *“chỉ có Bà-la-môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên”*[1]. Để định nghĩa lại định kiến hữu ngã này, đức Phật không sa vào các lý thuyết trừu tượng mà khéo đưa người nghe trở về với hiện thực sinh học tự nhiên. Ngài chỉ ra một thực tế hiển nhiên rằng các phụ nữ thuộc tầng lớp ấy vẫn có kinh nguyệt, mang thai, sinh con và cho con bú. Do đó, chính những vị tự nhận là tối thượng ấy cũng đều được sinh ra từ thai sinh như bao người khác.

Xét trên phương diện thân thể, trong tiến trình sinh sản, thân được hình thành từ các điều kiện sinh học của cha mẹ và tiếp tục được duy trì, phát triển nhờ nhiều duyên khác nhau. Hơn nữa, Dưới góc nhìn Phật giáo, sự hình thành một đời sống còn liên hệ đến nghiệp và thức tái sinh. Do đó, sự hiện hữu của một con người không thể được quy về một tự ngã độc lập, bất biến hay một nguồn gốc thần quyền. Cho nên, danh xưng của một con người không thể dựa vào huyết thống, mà phải được nhìn nhận theo tính chất duyên sinh. Từ nhận thức ấy, vô ngã trở thành một giáo lý nền tảng định hướng tu tập.

2. Tiến trình biến dịch của vạn pháp theo duyên khởi

Sau khi định nghĩa lại về thực tại sinh học hiện tiền, đức Phật ngược dòng lịch sử để lý giải tiến trình hoại và biến dịch của vạn pháp theo duyên khởi. Bản kinh khắc họa tiến trình dịch chuyển của chúng sinh từ trạng thái sơ khởi ở cõi Quang Âm Thiên vốn là những sinh mệnh do ý sinh, nuôi sống bằng hỷ và tự chiếu hào quang khi tái sinh xuống địa cầu. Khi tiếp xúc với các loại thức ăn bên ngoài như vị đất, nấm đất, cỏ cây leo và lúa tự nhiên, tâm tham ái và các bất thiện pháp dần khởi lên. Vì thọ dụng vật chất và nảy sinh tâm lý tích trữ, hào quang của chúng sinh biến mất, vũ trụ bắt đầu hình thành ngày đêm, thời tiết, đồng thời thân thể cũng chuyển từ dạng thanh tịnh sang thô nặng. Tiến trình thoái hóa của môi trường và sinh học này dẫn đến sự kiện nguồn lúa tự nhiên bị biến đổi, buộc chúng sinh phải hội họp lại để phân chia sản nghiệp và đắp đê phân chia làm ruộng đất.

Tiến trình biến dịch này cho thấy rằng cấu trúc thế giới vật chất và con người hoàn toàn không do một đấng tối cao nào sáng tạo, mà là hệ quả từ chuỗi tương tác giữa tâm tham ái của con người và môi trường vật lý. Sự kiện lúa tự nhiên bị mất đi, nhường chỗ cho loại lúa có vỏ cám đòi hỏi sự nhọc nhằn cày cấy và xác lập quyền tư hữu ruộng đất chính là một sự chuyển hóa liên tục của hiện tượng và sự vật. Khi duyên thay đổi từ nguồn thực phẩm đến tâm hành, thế giới hiện tượng sẽ thay đổi theo. Do đó, hoàn toàn không có một trật tự cố định nào được an bài từ trước và vạn pháp không có bất kỳ một điểm dừng cố định để có thể gọi là ngã thể.

3. Xã hội giai cấp

Nối tiếp quá trình biến đổi của đời sống, hệ thống phân tầng xã hội bắt đầu được thiết lập từ chính sự phân công lao động và quy ước ngôn ngữ. Tầng lớp cai trị (*Khattiya*) hình thành từ nhu cầu bầu ra một vị chủ ruộng vườn được đại chúng chấp thuận (*Mahā Sammata*) để gìn giữ sự công bằng và luật pháp. Tầng lớp (*Brāhmaṇa*) xuất hiện từ những người rời bỏ đời sống gia đình để sống đời tu

tập và thiên định. Tầng lớp thương nhân (*Vessā*) gắn liền với đời sống gia đình và các ngành nghề kinh doanh, thủ công, trong khi những người đảm nhiệm công việc lao động phổ thông thì cấu thành tầng lớp hạ liệt (*Sudda*). Từ các tầng lớp căn bản này, những người rời bỏ gia đình để sống đời tu sĩ sẽ hình thành nên cộng đồng Sa-môn (*Samaṇa*). Sự chuyển dịch này thể hiện qua lời dạy của Đức Phật: *“Này Vāsetṭha, giai cấp Sa-môn (Samaṇa) được khởi lên từ bốn giai cấp ấy”*[2].

Dưới ánh sáng vô ngã, lịch sử về phân hóa xã hội này cho thấy giai cấp không phải là một định mệnh mang tính thần thánh, mà chỉ là những danh xưng ước lệ được đặt ra tùy theo duyên. Danh xưng của một tầng lớp không có thể xem như một bản chất cố định của con người, mà chỉ là tên gọi sinh ra từ chuỗi hành động sinh kế và phân công trách nhiệm xã hội. Mọi sự phân chia giai cấp suy cho cùng đều là pháp hữu vi, vô thường. Cho nên, không có bất kỳ một cái tôi nào đứng sau việc hình thành giai cấp.

4. Sự bình đẳng giữa các giai cấp qua hành vi thiện ác (đạo đức)

Sau khi trình bày nguồn gốc của các giai cấp, đức Phật chuyển trọng tâm sang phương diện đạo đức. Hệ tư tưởng thời bấy giờ cho rằng ngã của tầng lớp thượng lưu mặc định là thanh tịnh, còn ngã của tầng lớp hạ liệt là cấu uế. Đức Phật đã phủ nhận định kiến hữu ngã mang tính phân biệt này bằng sự vận hành khách quan của quy luật nghiệp báo, biện chứng rằng mọi cá nhân, thuộc bất kỳ giai cấp nào, nếu làm các tà hạnh về thân, miệng, ý thì đều phải chịu chung hệ quả đọa lạc. Ngược lại nếu tu tập chánh hạnh thì đều gặt hái quả thiện lành. Bản kinh minh định rõ: *“Này Vāsetṭha, vị Khattiya... vị Bà-la-môn... vị Vessā... vị Sudda làm hai hạnh về thân, hai hạnh về miệng, hai hạnh về ý, có chánh kiến và tà kiến lẫn lộn. Do chánh kiến, tà kiến và chánh hạnh, tà hạnh lẫn lộn làm nhen duyên, sau khi thân hoại mạng chung, thọ lãnh lạc và khổ thọ”*[3].

Quy luật nhân quả đã phủ nhận bản chất cố định của con người. Sự thanh tịnh hay nhiễm ô của một cá nhân không nằm ở huyết thống hay dòng dõi, mà hoàn toàn phụ thuộc vào hành vi thiện ác. Nếu giai cấp mang tính bản thể cố định, người ở tầng lớp tối thượng làm ác sẽ không phải chịu cảnh thọ khổ đọa xen. Việc mọi con người đều bình đẳng trước sự chi phối của nghiệp lực và thọ nhận quả báo vui buồn lẫn lộn đã khẳng định một sự thật triết học là thân phận con người vốn vô thường và vô ngã, không tồn tại một tự ngã đặc quyền nào có thể đứng ngoài tiến trình nhân quả đạo đức.

5. Nghiệp báo và con đường giải thoát

Trên phương diện Phật giáo, tư tưởng vô ngã hướng con người đến việc thoát khỏi hình thức chấp thủ về “*cái này là của tôi, cái này là tôi và cái này tự ngã của tôi*”[4]. Đức Phật khẳng định thước đo giá trị của một con người không nằm ở nguồn gốc xuất thân, mà ở khả năng tu tập để đoạn trừ khổ đau và hướng đến con đường giải thoát. Trong bốn giai cấp, bất kỳ vị Tỳ kheo nào nỗ lực tu tập, diệt tận kiết sử, đạt được chánh trí giải thoát để chứng quả A la hán thì vị ấy chính là bậc tối thắng giữa đời.

Nhìn từ giáo lý vô ngã, tiến trình giải thoát mang tính bình đẳng và phủ định bản ngã cố định. Một người xuất thân từ tầng lớp lao động nghèo khổ, vốn bị xã hội cổ đại gọi là hạ liệt, nếu tinh tấn thực hành *Thất giác chi*[5] (niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả) thì vẫn có thể đoạn trừ cấu uế, làm thanh tịnh nội tâm, hướng đến giải thoát và trở thành bậc tôn quý được ngay cả các vua chúa và giai cấp tối thượng đánh lễ. Do đó, giá trị của con người không dựa danh xưng giai cấp mà phụ thuộc vào sự tu hành chánh pháp, nên chánh pháp mới là giá trị tối thượng, vượt lên trên mọi danh xưng của thế gian. Như lời dạy Đức Phật trong bản kinh: “*Này Vāsetṭha, Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau*”[6].

Pasenadi là một vị vua thuộc giai cấp Khattiya vẫn tôn trọng pháp, cúng kính pháp, cúng dường pháp và đánh lễ đức Phật một cách lễ độ. Ví dụ này minh họa cho quan điểm trong DN 27 rằng **Pháp mới là tối thượng**, vượt trên địa vị và danh xưng xã hội.

III. Kết luận

Kinh Khởi thế nhân bốn thuộc Kinh Trường bộ (DN 27) không đơn thuần là một bản kinh về vũ trụ sinh thành, mà là một bản văn nghị luận có cấu trúc lập luận sâu sắc. Đức Phật đã sử dụng các chất liệu về sinh học, lịch sử và xã hội học để lý giải tính thần quyền của giai cấp tự nhận là tối thượng. Đồng thời, bản kinh đặt tiêu chuẩn đánh giá con người nơi hành vi thiện ác, đời sống tu tập và sự chứng ngộ, thay vì nơi huyết thống. Thông qua việc làm rõ tiến trình biến dịch của tự nhiên, của con người cho đến các danh xưng giai cấp đều là sự kết hợp của các điều kiện duyên khởi, Ngài đã thiết lập một nền tảng cho giáo lý vô ngã. Hiểu thấu triệt nguồn gốc duyên sinh của xã hội cũng chính là bước đi đầu tiên để phá vỡ ngã chấp, hướng tới mục đích tối hậu là giải thoát và chấm dứt mọi khổ đau.

Tác giả: **NCS Trần Quốc Hưng (Thiện Thanh)**

Tài liệu tham khảo:

- 1] *Kinh Trường bộ*, Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2020.
- 2] *Kinh Trung bộ*, Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2020.
- 3] *Kinh Tương ưng bộ*, Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2020.
- 4] *Kinh Trường bộ*, Thích Minh Châu dịch, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam.
<http://vncphvn.com/sutra/DV/DV27>

Chú thích:

- [1] Thích Minh Châu dịch, “Kinh Khởi thế nhân bốn” *trong Kinh Trường bộ*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2020, đoạn 114, tr.474.
- [2] Thích Minh Châu dịch, “Kinh Khởi thế nhân bốn” *trong Kinh Trường bộ*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2020, đoạn 135, tr.482.
- [3] Thích Minh Châu dịch, “Kinh Khởi thế nhân bốn” *trong Kinh Trường bộ*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2020, đoạn 137, tr.482.
- [4] Thích Minh Châu dịch, “Kinh Vô ngã tướng thuộc Kinh Tương ưng bộ”, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2020, SN 22.59, tr. 563.
- [5] Tham khảo “Kinh Niệm xứ thuộc *Kinh Trung bộ* (MN 10).
- [6] Thích Minh Châu dịch, “Kinh Khởi thế nhân bốn” *trong Kinh Trường bộ*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2020, tr.483.